

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ VĂN BẢN VĂN HỌC NGA ĐỌC MỞ RỘNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Thu Kim Ngân, Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh, Trần Phạm Hoàng Đức, Đinh Hương Minh, Đặng Thế Hồng
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Tóm tắt: Xác định đối tượng nghiên cứu là các văn bản văn học Nga sử dụng trong chương trình và sách giáo khoa bậc trung học phổ thông, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu và điều tra bằng bảng hỏi để xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lựa chọn các văn bản văn học bổ sung. Từ đó, tác giả đề xuất danh mục các văn bản văn học đọc mở rộng cho học sinh bậc trung học phổ thông, khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả cho việc rèn kỹ năng đọc của học sinh.

Từ khóa: văn bản văn học, đọc mở rộng, kỹ năng đọc

PROPOSAL OF SOME RUSSIAN LITERATURE TEXTS FOR EXTENDED READING FOR HIGH SCHOOL STUDENTS

Nguyen Thu Kim Ngan, Nguyen Ngoc Phuong Quynh, Tran Pham Hoang Duc, Dinh Huong Minh, Dang The Hong
Faculty of Literature, Ho Chi Minh City University of Education

Abstract: Determining the research object as Russian literary texts used in high school curriculum and textbooks, we mainly use the method of document research and questionnaire survey to determine the theoretical and practical basis for selecting additional literary texts. From there, we propose a list of extended reading literary texts for high school students, testing the urgency and feasibility of the proposals to improve the effectiveness of training students' reading skills.

Keywords: literary texts, extensive reading, reading skills

Nhận bài: 25/04/2025

Phản biện: 26/05/2025

Duyệt đăng: 30/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là một trong những yêu cầu cần đạt của kỹ năng Đọc được nêu trong Chương trình Ngữ văn (CTNV) 2018, tuy vậy, vai trò thực sự của việc đọc mở rộng (ĐMR) chưa được hiểu đúng và triển khai phù hợp với định hướng. Thực tiễn biên soạn sách giáo khoa (SGK) cho thấy việc lựa chọn văn bản (VB) ĐMR đã được quan tâm khi các bộ SGK đều xuất hiện các VB này dưới những dạng/tên gọi khác nhau (VB đọc kết nối với chủ điểm, VB đọc mở rộng theo loại thể, VB thực hành đọc hiểu, VB tự đánh giá). Dẫu vậy, việc đề xuất bổ sung danh mục VB sử dụng ĐMR vẫn vô cùng quan trọng, đặc biệt là với VB VH nước ngoài nói chung và văn học Nga nói riêng ở bậc trung học phổ thông (THPT).

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở đề xuất

2.1.1 Cơ sở lý luận

2.1.1.1 Yêu cầu của việc lựa chọn VB VH nước ngoài nói chung và VH Nga nói riêng sử dụng trong nhà trường phổ thông

Nguyễn Thị Thanh Hương nhấn mạnh việc lựa chọn văn bản văn chương (VB VH) giảng dạy cần thật tiêu biểu của văn học dân tộc và thế giới, đồng thời tích hợp các lĩnh vực như lý luận, triết học, lịch sử, mỹ học và văn hóa. Nguyễn Viết Chữ và Đỗ Thị Kim Thoa đề xuất hai yêu cầu trong việc chọn VB VH nước ngoài: (1) tác phẩm phải thể hiện rõ phong cách và tư tưởng tiêu biểu của

tác giả để tạo ấn tượng đúng, và (2) phải chọn bản dịch phù hợp, ưu tiên bản dịch sát nguyên bản nhằm đảm bảo HS lĩnh hội trọn vẹn tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

Trần Thị Quỳnh Nga khẳng định việc lựa chọn VB VH nước ngoài cần dựa trên cái nhìn toàn diện giữa các thể loại, trường phái và nền văn học khác nhau để đảm bảo cân đối. Bà nhấn mạnh cần chọn những tác giả tiêu biểu, đại diện xứng đáng cho nền văn học quốc gia, và trong giới hạn thời lượng, nên chọn cả tác phẩm và trích đoạn tiêu biểu, phù hợp với lứa tuổi học sinh. Ngoài ra, cần sử dụng các bản dịch tốt nhất để truyền tải trọn vẹn tư tưởng tác phẩm, ưu tiên văn bản nghệ thuật nhằm nâng cao năng lực đọc thẩm mỹ cho học sinh, bởi sức hấp dẫn và tính nghệ thuật của văn bản nghị luận thường kém hơn. Bà cũng kiến nghị cần xác định rõ các nguyên tắc xây dựng chương trình văn học trong bối cảnh có thể xuất hiện nhiều bộ SGK khác nhau trong tương lai.

2.1.1.2 Khái quát về ĐMR

Khái niệm

ĐMR là đọc số lượng lớn với mục đích hiểu biết tổng thể về VB cũng như rèn luyện thêm về kỹ năng đọc. Qua đó, người đọc quan tâm đến ý nghĩa của VB hơn là ý nghĩa của từng từ hoặc câu riêng lẻ. Như vậy, có thể hiểu ngắn gọn ĐMR là hoạt động tạo cho người đọc/ HS cơ hội tự tìm thêm sách để đọc theo sở thích của bản thân với sự

hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra của GV.

Đặc điểm

Khái niệm ĐMR như là một sự phân biệt với việc đọc chuyên sâu – vốn đề cập đến việc đọc cẩn thận các VB ngắn hơn, khó hơn với mục tiêu hiểu được đầy đủ và chi tiết VB, gắn liền với việc dạy các kỹ năng thành phần của việc đọc. Do vậy, việc ĐMR sẽ hướng nhiều đến sự tự do nhất định cho người đọc về việc lựa chọn tài liệu đọc, cách đọc, hình thức đọc.

Vai trò

- **Cải thiện vốn từ vựng:** Nghiên cứu cho thấy để cải thiện vốn từ vựng hiệu quả, một người phải đọc nhiều, quan trọng hơn là tìm hiểu nghĩa của từ trong những ngữ cảnh khác nhau. Nếu chỉ đơn giản học từ trong một danh sách từ vựng không thể nào đủ để hiểu toàn bộ nghĩa và cách sử dụng của một từ hay áp dụng từ đó vào khả năng giao tiếp của riêng mình. Cách tốt nhất để tăng vốn từ mới là gặp từ đó một vài lần trong những ngữ cảnh khác nhau thông qua việc ĐMR.

- **Cải thiện và phát triển kỹ năng đọc:** Cách duy nhất để cải thiện kỹ năng đọc là phải luyện tập thường xuyên bằng cách mở rộng việc đọc. Bằng cách tìm đọc sách theo sở thích trong thời gian rảnh, HS cũng sẽ cải thiện được kỹ năng đọc của mình, có được những trải nghiệm thú vị của việc đọc. Việc này chỉ có thể thực hiện được thông qua hoạt động ĐMR.

- **Hướng đến việc cải thiện cả 4 kỹ năng giao tiếp:** Nhiều ý kiến đồng thuận với quan điểm HS cần đọc nhiều để viết tốt hơn. Do đó không bất ngờ khi HS thường xuyên ĐMR chính là tăng cơ hội cho việc cải thiện kỹ năng viết, thậm chí với môn ngoại ngữ, kỹ năng nghe và nói cũng sẽ theo đó tốt dần lên.

2.1.1.3 Đặc điểm của HS bậc THPT

Tài liệu Tâm lý học giáo dục [9, tr. 68–76] xác định học sinh lớp 7 thuộc giai đoạn thiếu niên – độ tuổi “vừa trẻ con, vừa người lớn”. Sau tuổi nhi đồng, các em đã hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ, đọc viết, phát triển nhận thức xã hội và chuẩn mực đạo đức.

Về **nhận thức**, học sinh có tri giác có mục đích, ghi nhớ có chủ định phát triển mạnh, tư duy logic, trừu tượng và lý luận ngày càng rõ nét. Các phẩm chất như tư duy độc lập, sáng tạo, mềm dẻo được phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực mới. Các em bắt đầu biết đặt vấn đề và tìm hiểu những gì gây hứng thú.

Về **xúc cảm – tình cảm**, học sinh có đời sống

tình cảm phong phú, biết kiềm chế cảm xúc, chọn lọc đối tượng giao tiếp và phát triển các tình cảm cao như tình bạn, tình yêu, tình thân. Các em thường đề cao giá trị tinh thần, phê phán thái độ coi trọng vật chất.

Về **nhân cách**, các em dần hình thành thế giới quan khoa học, biết tự đánh giá và xây dựng hình ảnh bản thân. Nhu cầu được tôn trọng, thể hiện bản thân, xác lập vị trí xã hội ngày càng rõ. Các em có lý tưởng sống và mong muốn noi theo những mẫu hình lý tưởng mang tính khái quát về phẩm chất và năng lực.

2.1.2 Cơ sở thực tế

2.1.2.1 VBVH Nga trong SGK chính lý hợp nhất (2000) và bộ SGK ban cơ bản của CTNV 2006

Tác giả lựa chọn khảo sát việc sử dụng VBVH Nga trong cả bộ SGK chính lý hợp nhất (2000) và bộ SGK ban cơ bản của CTNV 2006 không nằm ngoài mục đích mở rộng phạm vi tư liệu có thể lựa chọn bên cạnh việc rà soát xem những VBVH nào đã được sử dụng/ tái sử dụng.

Kết quả khảo sát được cụ thể hóa như sau: Bộ sách giáo khoa (SGK) chính lý hợp nhất năm 2000 đưa vào giảng dạy tổng cộng 12 văn bản văn học Nga, trong đó có 4 bài thơ của các tác giả như A. Puskin và Esenin, 7 truyện ngắn và trích đoạn truyện của các tác giả tiêu biểu như A. Puskin, Lev Tolstoi, Maxim Gorki, M. Sholokhov, cùng 1 bài ký của Maxim Gorki (Tôi đã học tập như thế nào?). Không có văn bản kịch nào được đưa vào. Trong khi đó, bộ SGK ban cơ bản của Chương trình THCS năm 2006 chỉ giữ lại 3 văn bản văn học Nga, gồm 1 bài thơ (Tôi yêu em của A. Puskin) và 2 truyện ngắn của A. Chekhov và M. Sholokhov. Không có văn bản ký hay kịch nào được đưa vào trong chương trình này. So với SGK 2000, số lượng văn bản văn học Nga trong SGK 2006 đã giảm đáng kể.

Kết quả cho thấy cả hai bộ SGK của CTNV cũ đều ít coi trọng lựa chọn thể loại ký và kịch. Đặc biệt, 2/3 VBVH Nga trong SGK của CTNV 2006 là lấy lại của SGK chính lý hợp nhất (2000).

2.1.2.2 VBVH Nga trong ba bộ SGK của CTNV 2018

Dự đoán của Trần Thị Quỳnh Nga về việc một CT với nhiều bộ SGK khác nhau đã được hiện thực hóa khi có đến 3 bộ sách phục vụ cho CTNV 2018. Tất yếu, khảo sát cũng không thể không xem VBVH Nga trong các bộ sách này là đối tượng tìm hiểu quan trọng. Kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng sau:

Bảng. Danh mục VBVH Nga trong ba bộ SGK bậc THPT của CTNV 2018

BỘ SÁCH	THỂ LOẠI	TÊN VB	SỐ LƯỢNG VB
Chân trời sáng tạo	Thơ		0
	Truyện		0
	Kí	Tôi đã học tập như thế nào? (Maxim Gorki)	1
	Kịch	Màn diễn hành - trình diện quan thanh tra (N.Gogol)	1
Kết nối tri thức với cuộc sống	Thơ	Con đường mùa đông (A.Puskin)	1
	Truyện	Một chuyện đùa nho nhỏ (A. Chekhov)	1
	Kí	“Và tôi vẫn muốn mẹ...” (Trích Những nhân chứng cuối cùng - Solo cho giọng trẻ em, Svetlana Alexievich)	1
	Kịch	Nhân vật quan trọng (Trích Quan thanh tra, - N.Gogol)	1
Cánh diều	Thơ	Tôi yêu em (A.Puskin)	1
	Truyện	Trái tim Đan-ko (Maxim Gorki)	1
	Kí	Thiếu nữ và cây sồi già bên đường (Trích Chiến tranh và hoà bình, Lev Tolstoi)	1
	Kịch	Quan thanh tra (N.Gogol)	1

2.1.2.2 VBVH Nga trong ba bộ SGK của CTNV 2018

Dự đoán của Trần Thị Quỳnh Nga về việc một CT với nhiều bộ SGK khác nhau đã được hiện thực hóa khi có đến 3 bộ sách phục vụ cho CTNV 2018. Tất yếu, khảo sát cũng không thể không xem VBVH Nga trong các bộ sách này là đối tượng tìm hiểu quan trọng. Kết quả khảo sát được thể hiện qua Bảng. sau:

Bảng. Danh mục VBVH Nga trong ba bộ SGK bậc THPT của CTNV 2018

Dựa vào bảng trên, có thể thấy thực ra VBVH Nga chiếm tỉ lệ rất ít trong cả 3 bộ sách. Hơn thế, hầu như những tên tuổi lớn của văn học Nga (A.Puskin, Lev Tolstoi, N.Gogol, Maxim Gorki) và các VBVH vốn đã khẳng định giá trị. Đây cũng là một sơ sở quan trọng định hướng cho trong việc đề xuất danh mục VBVH Nga sử dụng ĐMR ở bậc THPT.

2.2 Danh mục VBVH đề xuất

Tác giả đề xuất danh mục các VBVH sử dụng trong ĐMR ở lớp 7 như sau:

Bảng. Danh mục VBVH Nga sử dụng trong hoạt động ĐMR ở cấp THPT

THỂ LOẠI	VB ĐỀ XUẤT	SỐ LƯỢNG VB
Thơ	- Bài ca về con chó mẹ (Esenin) - Thư gửi mẹ (Esenin) - Chiều xuân (Esenin) - Bé nhỏ (R.I.Rozhdestvensky) - Buổi sáng mùa đông (A.Pushkin) - Vương miện trao ai (A.A.Fet) - Sonnet (A.P.Sumarokov)	7

Truyện	Tiểu thuyết	- Người đàn bà và con chó nhỏ (A.Chekhov) - Cây vĩ cầm của Rothschild (A.Chekhov) - Anh béo và anh gầy (A.Chekhov) - Chiếc áo khoác (N.Gogol) - Những con đường rợp bóng cây xanh (I.Bunin) - Bức chân dung (N.Gogol) - Mặt trời, ông già và cô gái (Shukshin)	7
	Truyện ngắn	- Bác sĩ Zhivago (B.Pasternak) - Đêm trắng (Fyodor Dostoevsky) - Đội cận vệ thanh niên (A. Fadeev) - Thép đã tôi thế đấy (N.A.Ostrovsky) - Cánh buồm đỏ thắm (A.Grin)	5
Kí		- Chiến tranh không có gương mặt phụ nữ (S.Alexievich) - Chuyện thường ngày ở huyện (V.Ovechkin)	2
Kịch		- Người khách tượng đá (A.Pushkin) - Vườn anh đào (A.Chekhov) - Ba chị em (A.Chekhov) - Cậu Vanya (A.Chekhov) - Hải âu (A.Chekhov)	5

Theo thống kê trên, danh mục này có 26 VBVBH, bên cạnh những cái tác gia quen thuộc như đã nêu, tác giả đã bổ sung một số tác giả mới (Esenin, R.I.Rozhdestvensky, I.Bunin, Fyodor Dostoevsky, A. Fadeev...) và những tác phẩm nổi bật tương ứng của họ. Thực ra số lượng VBVBH này cũng không nhiều, dẫu vậy, cân đối tỉ lệ giữa các nền văn học và số lượng VBVBH cần đọc trong một năm của HS bậc THPT, tác giả cho rằng 26 VBVBH này đã được đề xuất tương đối hợp lý, cũng không quá xa lạ

với GV và HS.

2.3 Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của đề xuất

2.3.1 Mục đích khảo sát: khảo sát ý kiến đánh giá về danh mục VBVBH đã đề xuất

2.3.2 Nội dung khảo sát: khảo sát mức độ cần thiết và khả thi của danh mục VBVBH đã đề xuất

2.3.3 Thang đánh giá

Các nội dung cụ thể trong bảng hỏi được cho điểm theo thang điểm từ 1 – 3 tương ứng với các lựa chọn của GV

1 điểm	2 điểm	3 điểm
Không khả thi	Khả thi	Rất khả thi
Không cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết

2.3.4 Đối tượng khảo sát: 62 GV bộ môn Văn tại các trường THCS trên địa bàn TPHCM, Phú Yên, Bà Rịa Vũng Tàu

2.3.5 Tiến trình khảo sát

- Bước 1: Chuẩn bị các điều kiện tiến hành khảo sát (bao gồm: xác định mục đích, nội dung khảo sát; số hóa các VBVBH đã nêu trong mục 2.2 và cung cấp cho GV, nhờ GV đọc trong thời gian từ 14/10/2024 đến 10/02/2025; xây dựng phiếu khảo sát và chuyển thành đường link để khảo sát trực tuyến).

- Bước 2: Tiến hành gửi đường link khảo sát các đối tượng điều tra.

- Bước 3: Thống kê số liệu và xử lý kết quả điều tra.

2.3.6 Kết quả khảo sát

Tác giả tiến hành khảo sát với từng VBVBH và tổng kết theo 4 nhóm thể loại. Kết quả khảo sát cho thấy, các VBVBH đều được đánh giá mang tính cần thiết và khả thi, với điểm trung bình dao động từ 2.481 đến 2.723.

Bảng 3. Kết quả khảo sát mức độ cần thiết và khả thi của danh mục VBVH đề xuất

TT	Thể loại	Mức độ cần thiết		Mức độ khả thi	
		Điểm TB (M)	Thứ bậc	Điểm TB (M)	Thứ bậc
1	Thơ	2.701	1	2.723	1
2	Truyện	2.642	2	2.704	2
3	Kí	2.617	4	2.481	4
4	Kịch	2.541	3	2.573	3

Căn cứ vào số điểm và thứ bậc tương ứng, dễ dàng nhận ra những thể loại được học xuyên suốt các lớp (thơ, truyện) có ưu thế hơn hẳn. Trên cơ bản, kết quả khảo sát cho thấy danh mục VBVH mà tác giả đưa ra đều được đánh giá cao ở mức độ cần thiết, khả thi, đáp ứng yêu cầu ĐMR theo loại thể của CTNV mà tác giả đã đặt ra khi tiến hành nghiên cứu.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của tác giả bước đầu đã phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao kỹ năng đọc,

giúp HS có cơ hội đọc rộng, tìm hiểu thêm thành tựu của một nền văn học lớn trên thế giới. Đặc biệt, đề xuất của nhóm NC là những VB tương đối dễ tìm/ dễ mua để có thể hoàn thiện tủ sách cá nhân hoặc bổ sung nguồn sách cho thư viện nhà trường. Dẫu vậy, trong danh mục này, với các thể loại như truyện dài/ tiểu thuyết, kí, kịch, nếu đề xuất được hệ thống các đoạn trích phù hợp thì hiệu quả nghiên cứu sẽ càng được mở rộng hơn. Đó cũng chính là động lực phát triển hướng nghiên cứu này của mình trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. H: Giáo dục Việt Nam
- [2] Nguyễn Viết Chữ (chủ biên). (2014). *Phương pháp nghiên cứu và tiếp nhận văn chương nước ngoài trong nhà trường*. H.: Giáo dục Việt Nam.
- [3] Đoàn Văn Điều (2019). *Phương pháp nghiên cứu khoa học (Tái bản lần 1, có sửa chữa và bổ sung)*. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
- [4] Nguyễn Thị Thanh Hương. (2007). *Để dạy và học tốt tác phẩm văn chương (phần trung đại) ở trường phổ thông*. H.: Đại học Sư phạm.
- [5] Hoàng Thị Mai. *Dạy học nội dung “Thực hành đọc mở rộng văn bản” theo thể loại trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục (2023), 23(14), 13-17
- [6] Nhiều tác giả (Hội nghiên cứu và giảng dạy Văn học Tp.HCM). (2009). *Đổi mới dạy Văn và học Văn*. Văn hóa Sài Gòn
- [7] Dương Thiệu Tống (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục và Tâm lý*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên). (2019). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học cơ sở*. H.: Giáo dục Việt Nam.
- [9] Nguyễn Thị Tứ (chủ biên). (2018). *Tâm lý học giáo dục*. Đại học Sư phạm Tp.HCM